

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 7 - 2023

V/v xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vi Thị Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/6/2023 và ngày 28/7/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc Xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 03/2023/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H. Địa chỉ: Khối 12, thị trấn PY, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Tạm trú: Xã SĐ, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Vì Tất T. Địa chỉ khi ly hôn: Tochigiken, tochigisi, numawadacho 6 – 23 mezon 2 seifu 201, Japan. Chỗ ở và địa chỉ hiện nay: Số nhà 104, tiểu khu 7, thị trấn PY, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vì Tất T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/10/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn PY, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Kết hôn do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị

chung sống tại khối 12, thị trấn PY, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 12 năm 2018, anh Vì Tất T đi sang Nhật Bản làm việc theo diện xuất khẩu lao động thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do khoảng cách về địa lý, điều kiện môi trường sống, chị không nhận được sự chia sẻ động viên trong việc nuôi dạy con. Hết thời hạn lao động, anh Tkhông về nước mà tiếp tục ở lại Nhật Bản. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vì Tất T.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Vì Thanh P sinh ngày 13/02/2014 và cháu Vì Tường V sinh ngày 19/5/2016. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh Tcấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 9/6/2023, bị đơn anh Vì Tất T trình bày:*

Anh nhất trí với lời khai của chị Nguyễn Thị H về thời gian, địa điểm kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh đi làm xa nhà, năm 2018 anh đi xuất khẩu lao động tại Tochigiken, tochigi shi, numawadacho 6 - 23 mezon 2 seifu 201, Japan, mục đích để làm thuê, kiếm tiền lo cho gia đình. Trong thời gian anh đi lao động tại Nhật Bản thì chị Hnhiều lần gửi đơn xin ly hôn với anh vì cho rằng anh không quan tâm tới gia đình. Nhưng thực tế thì khi đi làm xa nhà, anh có hay gọi điện thoại về hỏi thăm gia đình và gửi tiền hàng tháng, mỗi tháng trung bình 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để lo cho gia đình. Anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không thành và chưa được cơ sở, chính quyền địa phương hòa giải lần nào. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, nên vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Nay chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện, đề ngày 29/3/2022 xin ly hôn với anh, anh nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh nhất trí với lời trình bày của chị H về con chung. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, anh đã trở về Việt Nam, anh đề nghị được vắng mặt trong các buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã tuân

thủ quy định của luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm; Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vì Tất T.

Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Giao cháu Vì Thanh P sinh ngày 13/02/2014 cho anh Vì Tất T và cháu Vì Tường V sinh ngày 19/5/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Đề nghị trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền tạm ứng chi phí ủy thác ra nước ngoài đã nộp.

Về án phí, lệ phí; Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 19/10/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình số 01/2022/TLST - HNGĐ về việc xin ly hôn theo đơn ly hôn đề ngày 29/03/2022 của chị Nguyễn Thị H. Do bị đơn anh Vì Tất T đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành các thủ tục ủy thác tư pháp để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (phiên họp hòa giải) cho anh Vì Tất T. Theo kết quả ủy thác tư pháp, anh Vì Tất T nhận được tổng đạt tố tụng vào ngày 07/3/2022. Đến ngày 02/6/2023, anh Vì Tất T về nước và gửi bản tự khai cho Tòa án. Tại bản tự khai ngày 09/6/2023 của anh Vì Tất T thể hiện anh Vì Tất T đề nghị vắng mặt tại phiên họp hòa giải của Tòa án. Đến ngày mở phiên họp hòa giải lần 1 vào ngày 5/5/2023 và lần 2 vào ngày 05/6/2023 anh Vì Tất T đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được

theo Điều 207, khoản 2 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt kết quả phiên họp công khai chứng cứ ngày 5/6/2023 cho anh Vì Tất T.

Anh Vì Tất T và chị Nguyễn Thị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vì Tất T kết hôn với nhau từ ngày 10/10/2013, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn PY, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn khi anh Tsang Nhật Bản vào tháng 12 năm 2018. Thời gian này, anh chị thường xuyên xa cách dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không ai quan tâm đến ai. Vì phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, hôn nhân đi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành, chị Nguyễn Thị H đề nghị xin ly hôn với anh Vì Tất T, anh Vì Tất T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Hạnh. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vì Tất T không còn, tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị ổn định cuộc sống cho các bên đương sự và con chung của vợ chồng cần xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vì Tất T, theo quy định tại Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng, anh chị sinh được hai con chung là cháu Vì Thanh P sinh ngày 13/02/2014 và cháu Vì Tường V sinh ngày 19/5/2016. Cả hai anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thời điểm anh Thành, chị Hly thân, hai cháu đều do chị Hchăm sóc nuôi dưỡng. Tuy nhiên, xét nguyện vọng của cháu Vì Thanh Phúc được ở với anh Vì Tất T, cháu Vì Tường Vy được ở với chị Nguyễn Thị H là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của các bên, hiện nay anh Vì Tất T đã quay trở lại Việt Nam sinh sống và làm việc. Nguyện vọng của các cháu là tự nguyện, không bị ai ép buộc, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Giao cháu Vì Tường Vy cho chị Nguyễn Thị H, được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Vì Thanh Phúc

cho anh Vì Tất T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị Nguyễn Thị H, anh Vì Tất T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị H, anh Vì Tất T được quyền thăm nom con chung không ai

được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc con chung của anh Vì Tất T và chị Nguyễn Thị H. Vận dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Vì Tất T xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng, lệ phí và án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu chi phí dịch thuật sang tiếng Nhật, lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định chung.

Đối với chi phí ủy thác ra nước ngoài, do không nhận được kết quả ủy thác tư pháp và tại biên bản làm việc ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đối với anh Vì Tất T thể hiện anh T chưa được cơ quan có thẩm quyền của Nhật Bản tiến hành thu thập chứng cứ, lấy lời khai nên căn cứ vào khoản 6 Điều 8 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT – BTP – BNG – TANDTC ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị H chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình ; Các Điều 9, Điều 44 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 6 Điều 8 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT – BTP – BNG – TANDTC ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vì Tất T.

2. Về con chung: Giao cháu Vì Thanh P sinh ngày 13/02/2014 cho anh Vì Tất T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Vì Thanh P trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cháu Vì Tường V sinh ngày 19/5/2016 cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi cháu Vì Tường Vy trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị H, anh Vì Tất T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng

việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được khấu trừ tiền 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001954 ngày 01/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La . Chị H đã nộp đủ số tiền trên.

4. Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Hoàn trả chị Nguyễn Thị H số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền tạm ứng chi phí ủy thác ra nước ngoài đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001497 ngày 16/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm , được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001481 ngày 13/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La. Chị H đã nộp đủ số tiền trên.

6. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Vì Tất T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án và tổng đạt bản án theo thủ tục hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- UBND thị trấn PY (để ghi vào kết quả hộ tịch, khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Tuấn Long

